**KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. TRẮC NGHIỆM. (7 điểm)**

**Câu 1.** Đơn vị của mômen lực M = F. d là

**A.** m/s  **B.** N. m  **C.** kg. m  **D.** N. kg

**Câu 2.** Ngẫu lực là hệ hai lực song song

 **A.** ngược chiều, có độ lớn bằng nhau và cùng tác dụng vào một vật.

 **B.** cùng chiều, có độ lớn bằng nhau và tác dụng vào hai vật.

 **C.** cùng chiều, có độ lớn bằng nhau và cùng tác dụng vào một vật.

 **D.** ngược chiều, có độ lớn bằng nhau và tác dụng vào hai vật.

**Câu 3.** Muốn cho một vật có trục quay cố định nằm cân bằng thì

**A.** tổng mômen của các lực có khuynh hướng làm vật quay theo một chiều phải bằng tổng mômen của các lực có khuynh hướng làm vật quay theo chiều ngược lại.

**B.** tổng mômen của các lực phải khác không.

**C.** tổng mômen của các lực phải là một véctơ có giá đi qua trục quay.

**D.** tổng mômen của các lực phải bằng hằng số.

**Câu 4.** Hai lực của ngẫu lực có độ lớn F = 30N, khoảng cách giữa hai giá của ngẫu lực là

d = 30 cm. Momen của ngẫu lực là

**A.** 900(Nm). **B.** 90(Nm). **C.** 9(Nm). **D.** 0,9(Nm).

**Câu 5**. Dụng cụ nào sau đây **không** cần dùng trong bài thực hành Tổng hợp lực hai đồng quy?

 **A.** Thước đo góc.  **B.** Đồng hồ đo thời gian. **C.** Dây chỉ bền.  **D.** Lực kế.

**Câu 6**. Trong bài Thực hành: Tổng hợp lực, góc α là góc hợp bởi

 **A.**  và . **B.**  và phương ngang. **C.** và phương thẳng đứng. **D.**  và phương thẳng đứng.

**Câu 7**. Biểu thức nào sau đây tính công trong trường hợp tổng quát ?

**A.** A = F.s. **B.** A = mgh. **C.** A = F.s.cosα. **D.** A = ½.mv2.

**Câu 8.** Trong trường hợp nào sau đây, trọng lực ***không*** thực hiện công?

**A.** vật đang chuyển động ném ngang.

**B.** vật đang trượt trên mặt phẳng nghiêng,

**C.** vật đang chuyển động biến đổi đều trên mặt phẳng ngang.

**D.** vật đang rơi tự do.

**Câu 9.** Công **không** có đơn vị nào sau đây?

**A.** J. **B.** N.m. **C.** W.s. **D.** W.

**Câu 10.** Chọn phát biểu **sai**? Công của lực

**A.** là đại lượng vô hướng. **B.** có giá trị đại số.

**C.** được tính bằng biểu thức F.s.cosα. **D.** luôn luôn dương.

**Câu 11.** Đơn vị của công suất

**A.** J.s. **B.** kg.m/s. **C.** J.m. **D.** W.

**Câu 12.** Công suất được xác định bằng

**A.** Tích của công và thời gian thực hiện công.

**B.** Công thực hiện trong một đơn vị thời gian.

**C.** Công thực hiện đươc trên một đơn vị chiều dài.

**D.** Giá trị công thực hiện được.

**Câu 13.**  Đơn vị nào sau đây ***không phải*** là đơn vị công suất?

**A.** J.s. **B.** W. **C.** N.m/s. **D.** HP.

**Câu 14.**  Một vật chuyển động với vận tốc  dưới tác dụng của lực  không đổi. Công suất của lực  là

**A.** P=*Fvt*. **B.** P=*Fv*. **C.** P=*Ft.* **D.** P=*Fv*2.

**Câu 15.** Một gàu nước khối lượng 10 kg được kéo cho chuyển động đều lên độ cao 5m trong khoảng thời gian 1 phút 40 giây (Lấy g = 10 m/s2). Công suất trung bình của lực kéo là:

**A.** 0,5 W. **B.** 5W. **C.** 50W. **D.** 500 W.

**Câu 16.**  Một vật khối lượng m, đặt ở độ cao *z* so với mặt đất trong trọng trường của Trái Đất thì thế năng trọng trường của vật được xác định theo công thức

**A.**  **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 17** Một vật được ném thẳng đứng từ dưới lên cao. Trong quá trình chuyển động của vật thì

**A.** Thế năng của vật tăng, trọng lực sinh công dương.

**B.** Thế năng của vật tăng, trọng lực sinh công âm.

**C.** Thế năng của vật giảm, trọng lực sinh công âm.

**D.** Thế năng của vật giảm, trọng lực sinh công dương.

**Câu 18.**  Động năng của một vật khối lượng m, chuyển động với vận tốc v là

**A.**  **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 19.** Khi một tên lửa chuyển động thì cả vận tốc và khối lượng của nó đều thay đổi. Khi khối lượng giảm một nửa, vận tốc tăng gấp hai thì *động năng* của tên lửa

**A.** Không đổi. **B.** Tăng gấp 2 lần.

**C.** Tăng gấp 4 lần. **D.** Giảm 2 lần.

**Câu 20.**  Một vật khối lượng 1,0 kg có thế năng 1,0 J đối với mặt đất. Lấy g = 9,8 m/s2. Khi đó, vật ở độ cao

**A.** 0,102 m. **B.** 1,0 m. **C.** 9,8 m. **D.** 32 m.

**Câu 21.**  Khi một vật chuyển động trong trọng trường thì cơ năng của vật được xác định theo công thức

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** 

**Câu 22.** Từ mặt đất một vật được ném thẳng đứng lên với vận tốc 20m/s. Lấy g = 10m/s2, chọn gốc thế năng tại mặt đất. Động năng bằng 4 lần thế năng khi vật có độ cao

 **A.** 20 m.  **B.** 4m.  **C.** 5m.  **D.** 16m.

**Câu 23.**  Cơ năng là một đại lượng

**A.** luôn luôn dương. **B.** luôn luôn dương hoặc bằng không.

**C.** có thể âm dương hoặc bằng không. **D.** luôn khác không.

**Câu 24.** Cơ năng của vật được bảo toàn trong trường hợp:

**A.** Vật rơi trong không khí. **B.** Vật trượt có ma sá

**C.** Vật rơi tự do. **D.**Vật rơi trong chất lỏng nhớt.

**Câu 25.** Một vật nhỏ được ném lên từ điểm M phía trên mặt đất; vật lên tới điểm N thì dừng và rơi xuống. Bỏ qua sức cản của không khí. Trong quá trình MN?

**A.** Thế năng giảm. **B.** Cơ năng cực đại tại N.

**C.** Cơ năng không đổi. **D.** Động năng tăng.

**Câu 26.** Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về hiệu suất?

**A.** Hiệu suất của động cơ luôn nhỏ hơn 1.

**B.** Hiệu suất đặc trưng cho mức độ hiệu quả của động cơ.

**C.** Hiệu suất của động cơ được xác định bằng tỉ số giữa công suất có ích và công suất toàn phần của động cơ.

**D.** Hiệu suất được xác định bằng tỉ số giữa năng lượng đầu ra và năng lượng đầu vào.

**Câu 27.** Một máy cơ đơn giản, công có ích là 240J, công toàn phần của máy sinh ra là 300J. Hiệu suất máy đạt được là

**A.** 70% **B.** 80% **C.** 75% **D.** 85%

**Câu 28.** Hiệu suất là tỉ số giữa

**A.** Năng lượng hao phí và năng lượng có ích

**B.** Năng lượng có ích và năng lượng hao phí

**C.** Năng lượng hao phí và năng lượng toàn phần

**D.** Năng lượng có ích và năng lượng toàn phần

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Bài 1 (1,0đ).** Một vật bắt đầu trượt trên đỉnh mặt phẳng nghiêng dài 5 m và cao 3 m. Hệ số ma sát giữa vật và mặt phẳng nghiêng là 0,2. Lấy g= 10 m/ s2

Biểu diễn các lực tác dụng lên vật và tính gia tốc của vật

**Bài 2(1,0đ).** Một người kéo một hòm gỗ trượt trên sàn nhà bằng một dây có phương hợp với phương ngang một góc 60­0. Lực tác dụng lên dây bằng 150N. Tính công của lực đó thực hiện được khi hòm trượt đi được 10 mét ?

**Bài 3(1,0đ).** Tại điểm A cách mặt đất 10 m một vật có khối lượng 4 kg được ném thẳng đứng lên cao với vận tốc ban đầu 10 m/s. Lấy g = 10 m/s2. Chọn mốc thế năng tại mặt đất, bỏ qua lực cản của không khí.

**a**. Tính thế năng vật ở vị trí ném A.

**b**. Tính độ cao của vật so với mặt đất khi vật có tốc độ 5 m/s.

**................. HẾT................**

**ĐÁP ÁN**

 **KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. TRẮC NGHIỆM. (7 điểm)**

**Câu 1 (NB).** Đơn vị của mômen lực M = F. d là

**A.** m/s  **B.** N. m  **C.** kg. m  **D.** N. kg

**Câu 2 (NB).** Ngẫu lực là hệ hai lực song song

 **A.** ngược chiều, có độ lớn bằng nhau và cùng tác dụng vào một vật.

 **B.** cùng chiều, có độ lớn bằng nhau và tác dụng vào hai vật.

 **C.** cùng chiều, có độ lớn bằng nhau và cùng tác dụng vào một vật.

 **D.** ngược chiều, có độ lớn bằng nhau và tác dụng vào hai vật.

**Câu 3 (NB).** Muốn cho một vật có trục quay cố định nằm cân bằng thì

**A.** tổng mômen của các lực có khuynh hướng làm vật quay theo một chiều phải bằng tổng mômen của các lực có khuynh hướng làm vật quay theo chiều ngược lại.

**B.** tổng mômen của các lực phải khác không.

**C.** tổng mômen của các lực phải là một véctơ có giá đi qua trục quay.

**D.** tổng mômen của các lực phải bằng hằng số.

**Câu 4 (TH).** Hai lực của ngẫu lực có độ lớn F = 30N, khoảng cách giữa hai giá của ngẫu lực là

d = 30 cm. Momen của ngẫu lực là

**A.** 900(Nm). **B.** 90(Nm). **C.** 9(Nm). **D.** 0,9(Nm).

**Câu 5 (NB)**. Dụng cụ nào sau đây **không** cần dùng trong bài thực hành Tổng hợp lực hai đồng quy?

 **A.** Thước đo góc.  **B.** Đồng hồ đo thời gian. **C.** Dây chỉ bền.  **D.** Lực kế.

**Câu 6 (NB)**. Trong bài Thực hành: Tổng hợp lực, góc α là góc hợp bởi

 **A.**  và . **B.**  và phương ngang. **C.** và phương thẳng đứng. **D.**  và phương thẳng đứng.

**Câu 7 (NB)**. Biểu thức nào sau đây tính công trong trường hợp tổng quát ?

**A.** A = F.s. **B.** A = mgh. **C.** A = F.s.cosα. **D.** A = ½.mv2.

**Câu 8 (NB).** Trong trường hợp nào sau đây, trọng lực ***không*** thực hiện công?

**A.** vật đang chuyển động ném ngang.

**B.** vật đang trượt trên mặt phẳng nghiêng,

**C.** vật đang chuyển động biến đổi đều trên mặt phẳng ngang.

**D.** vật đang rơi tự do.

**Câu 9 (NB).** Công **không** có đơn vị nào sau đây?

**A.** J. **B.** N.m. **C.** W.s. **D.** W.

**Câu 10 (NB).** Chọn phát biểu **sai**? Công của lực

**A.** là đại lượng vô hướng. **B.** có giá trị đại số.

**C.** được tính bằng biểu thức F.s.cosα. **D.** luôn luôn dương.

**Câu 11 (NB).** Đơn vị của công suất

**A.** J.s. **B.** kg.m/s. **C.** J.m. **D.** W.

**Câu 12 (NB).** Công suất được xác định bằng

**A.** Tích của công và thời gian thực hiện công.

**B.** Công thực hiện trong một đơn vị thời gian.

**C.** Công thực hiện đươc trên một đơn vị chiều dài.

**D.** Giá trị công thực hiện được.

**Câu 13 (NB).**  Đơn vị nào sau đây ***không phải*** là đơn vị công suất?

**A.** J.s. **B.** W. **C.** N.m/s. **D.** HP.

**Câu 14 (NB).**  Một vật chuyển động với vận tốc  dưới tác dụng của lực  không đổi. Công suất của lực  là

**A.** P=*Fvt*. **B.** P=*Fv*. **C.** P=*Ft.* **D.** P=*Fv*2.

**Câu 15 (VD).** Một gàu nước khối lượng 10 kg được kéo cho chuyển động đều lên độ cao 5m trong khoảng thời gian 1 phút 40 giây (Lấy g = 10 m/s2). Công suất trung bình của lực kéo là:

**A.** 0,5 W. **B.** 5W. **C.** 50W. **D.** 500 W.

**Hướng dẫn**



**Câu 16 (NB).**  Một vật khối lượng m, đặt ở độ cao *z* so với mặt đất trong trọng trường của Trái Đất thì thế năng trọng trường của vật được xác định theo công thức

**A.**  **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 17 (NB).** Một vật được ném thẳng đứng từ dưới lên cao. Trong quá trình chuyển động của vật thì

**A.** Thế năng của vật tăng, trọng lực sinh công dương.

**B.** Thế năng của vật tăng, trọng lực sinh công âm.

**C.** Thế năng của vật giảm, trọng lực sinh công âm.

**D.** Thế năng của vật giảm, trọng lực sinh công dương.

**Câu 18 (NB).**  Động năng của một vật khối lượng m, chuyển động với vận tốc v là

**A.**  **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 19 (TH).** Khi một tên lửa chuyển động thì cả vận tốc và khối lượng của nó đều thay đổi. Khi khối lượng giảm một nửa, vận tốc tăng gấp hai thì *động năng* của tên lửa

**A.** Không đổi. **B.** Tăng gấp 2 lần.

**C.** Tăng gấp 4 lần. **D.** Giảm 2 lần.

**Câu 20 (TH).**  Một vật khối lượng 1,0 kg có thế năng 1,0 J đối với mặt đất. Lấy g = 9,8 m/s2. Khi đó, vật ở độ cao

**A.** 0,102 m. **B.** 1,0 m. **C.** 9,8 m. **D.** 32 m.

**Hướng dẫn**





**Câu 21 (TH).**  Khi một vật chuyển động trong trọng trường thì cơ năng của vật được xác định theo công thức

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** 

**Câu 22 (VD).** Từ mặt đất một vật được ném thẳng đứng lên với vận tốc 20m/s. Lấy g = 10m/s2, chọn gốc thế năng tại mặt đất. Động năng bằng 4 lần thế năng khi vật có độ cao

 **A.** 20 m.  **B.** 4m.  **C.** 5m.  **D.** 16m.

**Hướng dẫn**

Áp dụng định luật bảo toàn cơ năng

Chọn mốc thế năng tại mặt đất

Cơ năng của vật









**Câu 23 (NB).**  Cơ năng là một đại lượng

**A.** luôn luôn dương. **B.** luôn luôn dương hoặc bằng không.

**C.** có thể âm dương hoặc bằng không. **D.** luôn khác không.

**Câu 24 (TH).** Cơ năng của vật được bảo toàn trong trường hợp:

**A.** Vật rơi trong không khí. **B.** Vật trượt có ma sá

**C.** Vật rơi tự do. **D.**Vật rơi trong chất lỏng nhớt.

**Câu 25 (TH).** Một vật nhỏ được ném lên từ điểm M phía trên mặt đất; vật lên tới điểm N thì dừng và rơi xuống. Bỏ qua sức cản của không khí. Trong quá trình MN?

**A.** Thế năng giảm. **B.** Cơ năng cực đại tại N.

**C.** Cơ năng không đổi. **D.** Động năng tăng.

**Câu 26 (NB).** Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về hiệu suất?

**A.** Hiệu suất của động cơ luôn nhỏ hơn 1.

**B.** Hiệu suất đặc trưng cho mức độ hiệu quả của động cơ.

**C.** Hiệu suất của động cơ được xác định bằng tỉ số giữa công suất có ích và công suất toàn phần của động cơ.

**D.** Hiệu suất được xác định bằng tỉ số giữa năng lượng đầu ra và năng lượng đầu vào.

**Câu 27 (TH).** Một máy cơ đơn giản, công có ích là 240J, công toàn phần của máy sinh ra là 300J. Hiệu suất máy đạt được là

**A.** 70% **B.** 80% **C.** 75% **D.** 85%

Hướng dẫn

****

**Câu 28 (NB).** Hiệu suất là tỉ số giữa

**A.** Năng lượng hao phí và năng lượng có ích

**B.** Năng lượng có ích và năng lượng hao phí

**C.** Năng lượng hao phí và năng lượng toàn phần

**D.** Năng lượng có ích và năng lượng toàn phần

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Bài 1 (1,0đ) (VD).** Một vật bắt đầu trượt trên đỉnh mặt phẳng nghiêng dài 5 m và cao 3 m. Hệ số ma sát giữa vật và mặt phẳng nghiêng là 0,2. Lấy g= 10 m/ s2

Biểu diễn các lực tác dụng lên vật và tính gia tốc của vật

P

N

Fms

Hướng dẫn

Theo định luật II Newton ta có









**Bài 2(1,0đ) (TH).** Một người kéo một hòm gỗ trượt trên sàn nhà bằng một dây có phương hợp với phương ngang một góc 60­0. Lực tác dụng lên dây bằng 150N. Tính công của lực đó thực hiện được khi hòm trượt đi được 10 mét ?

**F**

α

Hướng dẫn



**Bài 3(1,0đ).** Tại điểm A cách mặt đất 10 m một vật có khối lượng 4 kg được ném thẳng đứng lên cao với vận tốc ban đầu 10 m/s. Lấy g = 10 m/s2. Chọn mốc thế năng tại mặt đất, bỏ qua lực cản của không khí.

**a**. Tính thế năng vật ở vị trí ném A.

**b**. Tính độ cao của vật so với mặt đất khi vật có tốc độ 5 m/s.

Hướng dẫn

a.

Thế năng tại vị trí ném



b.

Độ cao của vật so với mặt đất khi vật có tốc độ 5 m/s



**................. HẾT................**

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com